

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Xây dựng và tư vấn thiết kế Thái Hoàng số 02/2022/VBĐNCGPMT-TH ngày 28 tháng 11 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5705/TTr-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng và Tư vấn thiết kế Thái Hoàng, địa chỉ tại số 210 đường 21 tháng 8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nâng quy mô công suất Trang trại chăn nuôi heo thịt từ 12.000 con/lứa lên 16.000 con/lứa tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án nâng quy mô công suất Trang trại chăn nuôi heo thịt từ 12.000 con/lứa lên 16.000 con/lứa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500236547 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 22/7/2022.

1.4. Mã số thuế: 4500236547.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo thịt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Dự án diện tích sử dụng đất 12,3 ha, gồm 16 dãy chuồng nuôi heo; 04 dãy nhà xuất, nhập heo và các công trình phụ trợ; công suất thiết kế 16.000 con heo thịt/lứa tương đương 32.000 con heo thịt/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Nước thải sau xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT được tận dụng tưới cây, vệ sinh chuồng trại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng và tư vấn thiết kế Thái Hoàng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, chất thải rắn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định

tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm (từ ngày tháng 12 năm 2022 đến ngày tháng 12 năm 2029).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Chủ dự án (3b);
- Các Sở: TNMT, NN&PTNT, XD;
- UBND huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Quảng Sơn;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU
CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân làm việc tại trang trại được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tiếp tục xử lý.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải nhà ăn phát sinh từ nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu, sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tiếp tục xử lý.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình chăn nuôi phát sinh từ hoạt động tắm heo, nước tiểu của heo, vệ sinh chuồng trại, thiết bị, ... được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được thu gom vào hồ chứa (lót bạt HDPE chống thấm) dung tích 9.000 m³ (kích thước 45 m × 40 m × 5 m) để tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại, tưới cây trong khuôn viên dự án, không xả thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: Vào hồ chứa nước thải sau xử lý dung tích 9.000 m³ để tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại, tưới cây trong khuôn viên dự án. Tọa độ: X=1298743, Y= 552182 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰) nằm trong khuôn viên dự án thuộc xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 171 m³/ngày đêm; tương đương 7,1 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT theo đường ống HDPE đường kính 140 mm, dài 160 m dẫn về hồ chứa nước thải sau xử lý theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận (hồ chứa nước thải sau xử lý) phải đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	100
3	COD	mg/l	300
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	150
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	150
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	5000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom vào các bể tự hoại (04 bể, kích thước: 2,9 m x 2,2 m x 1,4 m) xử lý sơ bộ, sau đó, theo đường ống PVC (đường kính 114 mm, chiều dài 110 m) xả vào mương thu gom nước thải chẵn nuôi (mương kín bằng bê tông, nắp đan, kích thước: 0,6 m x 0,6 m dài 355 m) chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất thiết kế 400 m³/ngày đêm) để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải nhà ăn được thu gom vào bể tách dầu (kích thước: 1 m x 0,5 m x 0,5 m) xử lý sơ bộ, sau đó, theo đường ống PVC (đường kính 114 mm, chiều dài 20 m) chảy vào mương thu gom nước thải chẵn nuôi (mương kín bằng bê tông, nắp đan, kích thước: 0,6 m x 0,6 m dài 355 m), rồi tiếp tục chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 03:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động phun sát trùng người khi qua công trại được thu gom theo ống PVC (đường kính 140 mm, chiều dài 10 m) chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải từ khu vực chuồng trại được thu gom vào mương thu gom nước thải chẵn nuôi (mương kín bằng bê tông, nắp đan, kích thước: 0,6 m x 0,6 m, chiều dài 355 m) chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước rỉ từ nhà chứa phân được thu gom và theo ống PVC (đường kính 140 mm, chiều dài 3 m) chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước rỉ từ nhà chứa xác heo được thu gom và theo ống PVC (đường kính 140 mm, chiều dài 40 m) chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước rỉ từ sân phơi bùn được thu gom và theo ống PVC (đường kính 140 mm, chiều dài 15 m) chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải → bể lắng kết hợp bể khuấy trộn (số lượng: 02 bể, dung tích bể lắng kết hợp khuấy trộn thứ nhất 158,72 m³ và dung tích bể lắng kết hợp bể khuấy trộn thứ hai 158,72 m³) → bể Biogas (số lượng: 02 bể, dung tích bể 1 là 9.920 m³/bể và dung tích bể 2 là 14.400 m³/bể) → bể điều hòa (dung tích 205,2 m³) → bể Anoxic (dung tích 128 m³) → bể Aerotank (dung tích 288 m³) → bể lắng sinh học (dung tích 96,04 m³) → Hồ sinh học 1 (dung tích 7.650 m³) → Hồ sinh học 2 (dung tích 5.175 m³) → bể khuấy nhanh (dung tích 23,04 m³) → bể khuấy chậm (dung tích 23,04 m³) → bể lắng hoa lý (dung tích 96,04 m³) → hồ chứa nước thải sau xử lý (dung tích 9.000 m³). Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được thu gom vào hồ chứa (lót bạt HDPE chống thấm) dung tích 9.000 m³ (kích thước 45 m x 40 m x 5 m) để tái sử dụng cho vệ sinh chuồng, tưới cây trong khuôn viên dự án.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung: 400 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, NaOH, khử màu, Chlorine và chế phẩm sinh học EM.

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hồ chứa nước thải dự phòng trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án gặp sự cố dung tích 6.000 m³ (kích thước 60 m x 20 m x 5 m) được lót bạt HDPE dày 1 mm chống thấm; xung quanh hồ đắp bờ cao 20-30 cm.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải tập trung:

Công trình xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm đã được Công ty tổ chức vận hành thử nghiệm từ ngày 03/11/2021 đến ngày 10/4/2022 và trong thời gian vận hành thử nghiệm đã được Đoàn kiểm tra liên ngành (*thành lập theo Quyết định số 2771/QĐ-STNMT ngày 22/6/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường*) tổ chức kiểm tra thực tế nhiều lần. Theo kết quả vận hành thử nghiệm, nước thải chăn nuôi của Dự án sau khi xử lý bằng công trình xử lý nước thải tập trung đã đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Do đó, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42

Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 3 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Dự án không phải vận hành lại công trình xử lý nước thải tập trung và được kế thừa kết quả vận hành thử nghiệm trên trong quá trình cấp giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hồ chứa nước sau xử lý để tái sử dụng cho tưới cây và vệ sinh chuồng. Tuyệt đối không xả thải nước thải ra bên ngoài khuôn viên dự án.

3.2. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.022 kg/năm. Thành phần chủ yếu là chai lọ thuốc, vắc xin; bao bì thuốc thú y, thuốc thú y hết hạn, ống kim tiêm; Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại; bóng đèn huỳnh quang hỏng, các loại dầu mỡ thải, pin, ốc quy thải, giẻ lau dính dầu nhớt.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

1.2.1. Phân heo: Khối lượng phân heo phát sinh từ các chuồng nuôi heo khoảng 1,2 tấn/ngày.

1.2.2. Xác heo chết (không phải do dịch bệnh): Số lượng heo chết (không phải do dịch bệnh) trung bình khoảng 4-5 con/ngày (tương đương khoảng 150 kg/ngày).

1.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 660 kg/năm.

1.2.4. Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: Khối lượng phát sinh khoảng 420 kg/năm.

1.2.5. Tro phát sinh từ 02 lò đốt heo chết: Khối lượng phát sinh khoảng 150 kg/năm.

1.3. Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, kim loại, thủy tinh, giấy và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy riêng từng loại và tập trung lưu trữ tại kho chứa có diện tích 48 m², kích thước 8 m x 6 m, được xây bằng tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

- Nhà đặt máy ép phân kết hợp kho phân: Số lượng 02 nhà, diện tích 175,68 m²/nhà (kích thước 12,2 m x 7,2 m); nền tráng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn.

- Nhà chứa bùn và xác heo chết: Diện tích 150 m² (kích thước 15 m x 10 m), tường gạch, mái lợp tôn, chia làm 02 ngăn: một ngăn chứa bùn và một ngăn chứa xác heo chết; nền tráng xi măng, mái lợp tôn, tường gạch.

- Tro phát sinh từ 02 lò đốt heo chết và bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được lưu chứa riêng trong các thùng phuy tại kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt công nhân được thu gom vào bốn thùng rác dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy tại khu vực văn phòng, bếp ăn, nhà ở công nhân; 01 kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích 16 m² (kích thước 4 m x 4 m), kết cấu: Tường gạch, mái lợp tôn. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

Hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3.1. Đối với xác heo chết (không phải do dịch bệnh):

- Khối lượng heo chết (không phải do dịch bệnh): Trung bình khoảng 05 con/ngày tương đương khoảng 150 kg/ngày.

- Công trình, thiết bị xử lý heo chết: Bằng 02 lò đốt sử dụng nhiên liệu dầu DO và khí Biogas.

- Quy trình thu gom và xử lý, xác heo chết của lò đốt bằng nhiên liệu dầu DO (công suất 125 kg/giờ): Xác heo chết từ các chuồng nuôi được thu gom về lò đốt bằng xe đẩy tay và được đưa vào buồng đốt sơ cấp (có nhiệt độ 1.400°C) đốt cháy thành tro và khí. Khí phát sinh tại buồng đốt sơ cấp được tiếp tục đưa qua buồng đốt thứ cấp (nhiệt độ từ 750 – 1.050°C) đốt cháy hoàn toàn, sau đó, theo ống khói cao 4 m thoát ra môi trường. Tro tại đáy lò định kỳ thu gom vào bao và được lưu chứa riêng trong các thùng phuy tại kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

- Quy trình thu gom và xử lý, xác heo chết của lò đốt bằng nhiên liệu khí Biogas (công suất 87,5 kg/giờ): Xác heo chết từ các chuồng nuôi được thu gom về lò đốt bằng xe đẩy tay và được đưa vào buồng đốt sơ cấp (có nhiệt độ 500 - 600°C) đốt cháy thành tro và khí. Khí phát sinh tại buồng đốt sơ cấp được tiếp tục đưa qua buồng đốt thứ cấp (nhiệt độ từ 1.000 - 1.200°C) đốt cháy hoàn toàn, sau đó, theo ống khói cao 1,6 m (tính từ đỉnh lò đốt) thoát ra môi trường. Tro tại đáy lò định kỳ thu gom vào bao và được lưu chứa riêng trong các thùng phuy tại kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

3.2. Đối với phân heo:

- Khối lượng phát sinh: 1,2 tấn/ngày.

- Quy trình công nghệ xử lý: Sử dụng công nghệ ép phân và phơi phân sau khi ép.

Máy ép được thiết kế dựa trên nguyên lý trục vít tải xoắn (bước vít ngắn dần) vận hành liên tục. Khi hỗn hợp bùn (phân và nước) được máy bơm cấp vào buồng ép, trục vít bên trong buồng ép vừa làm nhiệm vụ vận chuyển vừa xoay và

ép tách nước khỏi hỗn hợp bùn và bùn sau khi tách nước được đẩy ra khỏi máy ép, còn nước theo các khe ép chảy vào ống thu nước và được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý.

- Công suất máy ép: 04 tấn/ngày/máy.

- Sân phơi phân (phoi bùn) có 02 sân với diện tích 100 m²/sân phơi; nền bê tông, tường xây cao 0,5 m, mặt trong đánh hồ dầu, mặt ngoài tô quét vôi.

3.3. Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Định kỳ, Công ty hút bùn đưa về sân phơi với tổng diện tích 200 m² để phơi khô, sau đó thu gom vào bao và lưu chứa tại kho phân. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Hàng quý báo cáo số lượng heo chết (không phải do dịch bệnh) cho UBND xã Quảng Sơn, UBND huyện Ninh Sơn, Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận.

3. Trường hợp xảy ra dịch bệnh, thực hiện việc tiêu hủy heo đúng quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41: 2011/BNNPTNT - Yêu cầu về vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có

đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 2, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.